

Số: 01/2023/QĐPT-DS

Hà Nam, ngày 16 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản,
phân chia tài sản chung để thi hành án”

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trường và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2023/TLPT-VDS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”.

Do Quyết định giải quyết việc dân sự số: 01/2022/QĐDS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã D bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị H, chức vụ: Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Xuân T sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà Q: Ông Lê Sỹ H - Luật sư thuộc Công ty Luật L và cộng sự; địa chỉ: 45B, ngõ 52, Y, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Bà Bùi Thị L, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

+ Anh Kiều Hạnh C, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Anh Kiều Ngọc K, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Anh Kiều Thiện D, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu đô thị Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam - Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Quyết định sơ thẩm, tài liệu trong hồ sơ, nội dung vụ việc như sau:

Theo đơn yêu cầu và bản trình bày ý kiến tại Tòa án, người yêu cầu là bà Nguyễn Thị H - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Hà Nam trình bày: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DS-ST ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện D (nay là thị xã D), tỉnh Hà Nam và Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu chủ động số 110/QĐ-CCTHADS ngày 14/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D thì “Bà Bùi Thị L phải thanh toán trả ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị Q số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi 113.760.000 đồng. Tổng cộng là 713.760.000 đồng. Kể từ ngày ông T, bà Q có Đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Bùi Thị L không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng bà L còn phải chịu khoản lãi theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quá trình đôn đốc, xác minh điều kiện thi hành án đối với bà Bùi Thị L, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện D thấy bà L không có tiền, thu nhập để thi hành án. Về động sản có giá trị để đảm bảo thi hành án bà L cũng không có, bà L chỉ có tài sản có giá trị là ngôi nhà 02 tầng và công trình phụ đã cũ trên thửa đất số 83, tờ bản đồ PL 08, diện tích 72m² tại thôn T, xã M, huyện D (nay là Tổ dân phố T, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam). Đây là tài sản chung của bà Bùi Thị L với các con của bà là các anh Kiều Hạnh C, Kiều Ngọc K và Kiều Thiện D.

Căn cứ Điều 69, Điều 74, Điều 75 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi năm 2014; điểm c, khoản 2, điều 124 Nghị định 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của

Chính phủ, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D đã ra Thông báo số 01/TB-CCTHADS ngày 24/6/2016 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án gửi cho các bên đương sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại thông báo nêu rõ các bên đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khởi kiện tại Tòa án, hoặc thỏa thuận phân chia tài sản (*Thỏa thuận không được trái quy định pháp luật; không được làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người thứ ba hoặc nhằm trốn tránh việc thi hành án*), trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo. Quá thời hạn, các bên đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khởi kiện.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D đã cưỡng chế kê biên tài sản chung của bà L với các con của bà là thửa đất số 83, tờ bản đồ phụ lục số 08 diện tích 72 m² cùng tài sản gắn liền với đất thuộc thôn T, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là Tổ dân phố T, phường M, thị xã D).

Sau khi kê biên, gia đình bà Bùi Thị L khiếu nại lên 2 cấp (Chi cục THADS D và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam) không đồng ý việc kê biên và xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản của các thành viên hộ gia đình bà do Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D đã xác định trước đó. Khiếu nại của bà L đã được thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại cuộc họp liên ngành ngày 05 tháng 6 năm 2018, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; các cơ quan chuyên môn về đất đai và các cơ quan có liên quan khác không thống nhất được việc xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của các thành viên hộ gia đình bà Bùi Thị L.

Để hoàn tất các thủ tục về kê biên, định giá, bán đấu giá quyền sử dụng thửa đất số 83 và các tài sản gắn liền trên đất của gia đình bà Bùi Thị L để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ Điều 74 Luật thi hành án dân sự và Khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp hành viên Chi cục THADS thị xã D yêu cầu TAND thị xã D giải quyết việc dân sự: Xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị L và các anh Kiều Hạnh C, Kiều Ngọc K, Kiều Thiện D trong khối tài sản chung của hộ gia đình bà Bùi Thị L để đảm bảo việc thi hành bản án được kịp thời, đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho tổ chức, cá nhân trong việc thi hành án.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2022 đã xác định: Diện tích đất 72m², thửa số 83, tờ bản đồ PL 08, đứng tên hộ ông Kiều Tiến T và bà Bùi Thị L; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam vẫn giữ nguyên hiện trạng như lúc kê biên, tuy nhiên do quá trình sử dụng công trình bị xuống cấp nên năm 2021 bà L có làm thêm 01 cửa nhôm kính chính phía bên ngoài và dán xốp tường tầng 1 của ngôi nhà.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 01/2022/QĐDS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã D đã căn cứ vào khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35 và các Điều 149, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 74, khoản 4 Điều 179 Luật Thi hành án dân sự; các Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự; các Điều 29, 33, 34 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Hà Nam về việc xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của bà Bùi Thị L để thi hành án.

2. Xác định thửa đất số 83, tờ bản đồ PL 08, diện tích 72m² đứng tên hộ ông Kiều Tiến T và bà Bùi Thị L, tại thôn Trịnh, xã M, huyện D (nay là tại Tổ dân phố T, phường M, thị xã D), tỉnh Hà Nam và các tài sản gắn liền trên thửa đất (có sơ đồ thửa đất kèm theo) là thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của vợ chồng bà Bùi Thị L và ông Kiều Tiến T. Bà Bùi Thị L được quyền sở hữu, quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị khối tài sản chung của vợ chồng (gồm thửa đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất) để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

Ngoài ra Quyết định còn tuyên phần lệ phí giải quyết việc dân sự và quyền kháng cáo.

Ngày 29/11/2022, bà Bùi Thị L có đơn kháng cáo đối với Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 01/2022/QĐDS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã D, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vì thửa đất số 83, tờ bản đồ PL 08 thuộc Tổ dân phố T, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam và ngôi nhà hai tầng, các công trình, vật kiến trúc khác trên thửa đất là tài sản chung của hộ gia đình gồm các thành viên: ông Kiều Tiến T chủ hộ, bà Bùi Thị L và các con Kiều Hạnh C, Kiều Ngọc K, Kiều Thiện D; không phải là tài sản chung của riêng ông Kiều Tiến T và bà Bùi Thị L.

Tại phiên họp phúc thẩm, bà Bùi Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và căn cứ kháng cáo như trong đơn kháng cáo.

Tại phiên họp phúc thẩm, anh Kiều Thiện D cho rằng thửa đất số 83, tờ bản đồ PL 08 thuộc Tổ dân phố T, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam và tài sản trên thửa đất là tài sản chung của hộ gia đình, trong đó có anh là thành viên trong hộ gia đình; anh không đóng góp vật chất, tiền bạc để xây dựng các công trình trên thửa đất nhưng có đóng góp công sức là sức lao động trong quá trình xây dựng, tuy nhiên không xác định được cụ thể; nhất trí với yêu cầu kháng cáo và quan điểm của bà L, đề nghị Tòa án xem xét lại Quyết định sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Đề nghị Hội đồng phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự, Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị L; giữ nguyên quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐDS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam. Lệ phí phúc thẩm bà Bùi Thị L không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L nộp trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 371 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn kháng cáo là hợp lệ, được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; anh Kiều Hạnh C và anh Kiều Ngọc K vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 374 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị L:

Về thửa đất số 83, tờ bản đồ PL 08, diện tích 72 m² tại Tổ dân phố T, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam đứng tên hộ ông Kiều Tiến T và bà Bùi Thị L:

Theo Ủy ban nhân dân phường M (Tại Biên bản làm việc ngày 21/10/2022 giữa Tòa án nhân dân thị xã D và Ủy ban nhân dân phường M) thì thửa đất có nguồn gốc như sau: Theo bản đồ địa chính xã M lập năm 1986, thửa đất số 196, tờ bản đồ số 07, diện tích 64m², ghi tên T là bố đẻ ông T. Theo bản đồ hiện trạng xã M, đo đạc năm 2004, thửa đất số 83, tờ bản đồ PL 08, diện tích 78m² đất ở là một phần của thửa đất số 196 nói trên và diện tích lần chiếm tăng thêm, ghi tên T. Thực hiện kế hoạch 566/KH-UB ngày 05/8/2003 của UBND tỉnh Hà Nam, Hội đồng đăng ký đất đai xã M đã xây dựng, xét duyệt và công khai phương án xử lý, hợp pháp hóa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã M được UBND huyện D phê duyệt tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 28/12/2005, trong đó có hộ ông Kiều Tiến T cùng vợ là bà Bùi Thị L và đã được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 529777, sổ vào sổ H00718, ngày cấp 06/6/2006.

Như vậy, thửa đất này là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng bà Bùi Thị L và ông Kiều Tiến T nên là tài sản chung hợp pháp của ông Kiều Tiến T và bà Bùi Thị L. Mặc dù tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 thì các con của bà L và ông T là anh K và anh D cùng ở trên thửa đất này, riêng anh C đã ở chỗ khác, song không có căn cứ

xác định các anh K, anh D có công sức đóng góp đối với thửa đất này. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 83, tờ bản đồ PL 08 tại Tổ dân phố T, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam là tài sản chung của ông Kiều Tiến T và bà Bùi Thị L là có căn cứ.

Về tài sản gắn liền với thửa đất: Các tài sản trên thửa đất gồm có ngôi nhà hai tầng mái bằng; công trình phụ là nhà một tầng mái bằng, mái tôn, bể nước mưa, bể lọc, nhà vệ sinh. Căn cứ vào ý kiến của Ủy ban nhân dân phường M (Tại Biên bản làm việc ngày 21/10/2022 giữa Tòa án nhân dân thị xã D và Ủy ban nhân dân phường M) và trình bày của bà L và anh D tại phiên họp phúc thẩm thì tăng một ngôi nhà do vợ chồng ông T, bà L xây vào khoảng thời gian trước năm 2000, sau đó hoàn thiện dần đến năm 2002 thì xong như hiện nay. Bà L và các con của bà L là anh C, anh K và anh D cho rằng khi xây dựng nhà và các công trình trên thửa đất có công sức đóng góp của các thành viên trong gia đình nhưng không xác định được cụ thể là bao nhiêu. Vì vậy, không có căn cứ xác định công sức đóng góp của anh C, anh K và anh D trong khối tài sản là các công trình xây dựng, vật kiến trúc trên thửa đất.

Tòa án nhân dân thị xã D xác định bà Bùi Thị L có quyền sở hữu, quyền sử dụng 1/2 giá trị tài sản chung của vợ chồng bà L, gồm thửa đất số 83, tờ bản đồ PL 08, đứng tên hộ ông Kiều Tiến T và bà Bùi Thị L tại Tổ dân phố T, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam và các tài sản gắn liền trên thửa đất, từ đó chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D là có căn cứ.

Như vậy, yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị L là không có căn cứ, không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về lệ phí phúc thẩm: Do Bà Bùi Thị L là người cao tuổi và có đơn xin miễn lệ phí phúc thẩm nên bà L được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị L; giữ nguyên Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 01/2022/QĐDS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35 và các Điều 149, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 74, khoản 4 Điều 179 Luật Thi hành án dân sự; các Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự; các Điều 29, 33, 34 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Hà Nam về việc xác định phân quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của bà Bùi Thị L để thi hành án.

2. Xác định thửa đất số 83, tờ bản đồ PL 08, diện tích 72m² đứng tên hộ ông Kiều Tiến T và bà Bùi Thị L, tại thôn T, xã M, huyện D(nay là tại Tổ dân phố T, phường M, thị xã D), tỉnh Hà Nam và các tài sản gắn liền trên thửa đất (có sơ đồ thửa đất kèm theo) thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của vợ chồng bà Bùi Thị L và ông Kiều Tiến T. Bà Bùi Thị L được quyền sở hữu, quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị khối tài sản chung của vợ chồng (gồm thửa đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất) để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị L được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thị xã D;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã D;
- Người yêu cầu giải quyết việc DS;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, Tòa dân sự, Bộ phận HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải